TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 16 **Thi tại phòng: 219**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700001	7A5	Đặng Hoàng An	09-09-2005						
2	700002	7A5	Ngô Quốc An	12-12-2005						
3	700003	7A2	Nguyễn Quốc An	12-11-2005						
4	700004	7A4	Trịnh Việt An	10-04-2005						
5	700005	7A5	An Nguyễn Tuệ Anh	23-10-2005						
6	700006	7A4	Chu Bá Anh	15-12-2005						
7	700007	7A2	Đàm Tiến Anh	09-09-2005						
8	700008	7A2	Đào Nguyễn Hải Anh	02-10-2005						
9	700009	7A3	Đặng Kim Anh	20-09-2005						
10	700010	7A4	Đặng Nam Anh	21-01-2005						
11	700011	7A5	Đặng Quỳnh Anh	28-11-2005						
12	700012	7A2	Hoàng Châu Anh	13-02-2005						
13	700013	7A1	Kiều Đức Anh	29-05-2005						
14	700014	7A4	Lê Hiền Anh	04-05-2005						
15	700015	7A4	Nguyễn Đức Anh	18-02-2005						
16	700016	7A3	Nguyễn Hoàng Anh	12-05-2005						
17	700017	7A1	Nguyễn Ngọc Anh	07-09-2005						
18	700018	7A1	Nguyễn Nguyệt Anh	26-03-2005						
19	700019	7A4	Nguyễn Phùng Duy Anh	25-04-2005						
20	700020	7A2	Nguyễn Phương Anh	29-12-2005						
21	700021	7A6	Nguyễn Quốc Anh	06-02-2005						
22	700022	7A4	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10-08-2005						
23	700023	7A3	Phạm Hải Anh	22-08-2005						
24	700024	7A6	Phạm Minh Anh	15-01-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 17 **Thi tại phòng: 301**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700025	7A6	Phạm Quỳnh Anh	06-03-2005						
2	700026	7A3	Phan Giang Việt Anh	06-06-2005						
3	700027	7A5	Phùng Nguyễn Đức Anh	07-09-2005						
4	700028	7A2	Trần Hoàng Anh	20-11-2005						
5	700029	7A6	Trần Phương Anh	13-11-2005						
6	700030	7A1	Trương Thảo Anh	29-03-2005						
7	700031	7A4	Nguyễn Hoàng Ân	28-01-2005						
8	700032	7A3	Đặng Quang Bách	04-08-2005						
9	700033	7A6	Bùi Gia Bảo	08-01-2005						
10	700034	7A1	Đỗ Đình Quốc Bảo	02-10-2005						
11	700035	7A5	Nguyễn Vũ Gia Bảo	26-07-2005						
12	700036	7A6	Phạm Gia Bảo	05-08-2005						
13	700037	7A2	Lê Đăng Thanh Bình	25-06-2005						
14	700038	7A5	Nguyễn Tuấn Bình	29-03-2005						
15	700039	7A4	Phạm Hải Bình	27-08-2005						
16	700040	7A1	Lê Nguyễn Lam Cầm	07-02-2005						
17	700041	7A1	Nguyễn Minh Châu	29-01-2005						
18	700042	7A4	Phạm Bảo Châu	05-07-2005						
19	700043	7A2	Phạm Thùy Châu	16-07-2005						
20	700044	7A4	Trần Minh Châu	21-10-2005						
21	700045	7A5	Hoàng Mai Chi	05-03-2005						
22	700046	7A1	Hoàng Phương Chi	18-05-2005						
23	700047	7A4	Nguyễn Linh Chi	08-01-2005						
24	700048	7A5	Trần Linh Chi	23-09-2004						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 18 **Thi tại phòng: 302**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700049	7A2	Trần Mai Chi	16-12-2005						
2	700050	7A5	Bùi Thành Công	04-04-2005						
3	700051	7A6	Bùi Thành Công	05-10-2005						
4	700052	7A1	Phan Quỳnh Diệp	15-04-2005						
5	700053	7A3	Trần Ngọc Diệp	15-02-2005						
6	700054	7A4	Lê Tuấn Dũng	20-06-2005						
7	700055	7A4	Vũ Anh Dũng	08-04-2005						
8	700056	7A5	Nguyễn Phúc Hải Duy	18-05-2005						
9	700057	7A6	Nguyễn Quang Duy	27-09-2005						
10	700058	7A5	Vũ Thế Duy	02-10-2005						
11	700059	7A3	Trần Thùy Dương	26-12-2005						
12	700060	7A4	Điều Phước Đạt	15-07-2005						
13	700061	7A6	Đỗ Thành Đạt	17-04-2005						
14	700062	7A4	Ngô Thành Đạt	17-01-2005						
15	700063	7A6	Đường Hải Đăng	03-08-2005						
16	700064	7A4	Nguyễn Dược Đình	15-03-2005						
17	700065	7A1	Nguyễn Đình Minh Đức	15-05-2005						
18	700066	7A2	Nguyễn Huy Đức	24-09-2005						
19	700067	7A3	Nguyễn Trung Đức	31-08-2005						
20	700068	7A3	Nguyễn Tuấn Đức	19-06-2005						
21	700069	7A5	Nguyễn Tư Đức	12-10-2005						
22	700070	7A3	Phạm Gia Đức	02-02-2005						
23	700071	7A5	Cao Linh Giang	20-01-2005						
24	700072	7A5	Đặng Thu Giang	30-08-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 19 **Thi tại phòng: 303**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700073	7A2	Đỗ Ngọc Giang	26-03-2005						
2	700074	7A1	Hoàng Trường Giang	10-05-2005						
3	700075	7A4	Nguyễn Hương Giang	16-08-2005						
4	700076	7A1	Trần Hương Giang	20-10-2005						
5	700077	7A4	Lê Trần Ngọc Hà	23-01-2005						
6	700078	7A6	Nguyễn Hoàng Trúc Hà	30-07-2005						
7	700079	7A1	Nguyễn Minh Hà	21-11-2005						
8	700080	7A3	Nguyễn Minh Hà	04-11-2005						
9	700081	7A2	Nguyễn Thanh Hà	06-12-2005						
10	700082	7A4	Phạm Thị Ngọc Hà	18-03-2005						
11	700083	7A1	Trần Thị Việt Hà	05-01-2005						
12	700084	7A6	Nguyễn Đức Hải	30-03-2005						
13	700085	7A6	Nguyễn Trung Hải	04-10-2005						
14	700086	7A1	Trần Đức Hào	13-04-2005						
15	700087	7A4	Nguyễn Thanh Hằng	01-07-2005						
16	700088	7A4	Nguyễn Thị Minh Hằng	01-11-2005						
17	700089	7A2	Đỗ Thúy Hiền	14-05-2005						
18	700090	7A5	Hà Minh Hiền	25-01-2005						
19	700091	7A1	Nguyễn Lê Chí Hiếu	11-08-2005						
20	700092	7A2	Trần Đức Hiếu	26-12-2005						
21	700093	7A1	Nguyễn Việt Hoàn	23-03-2005						
22	700094	7A4	Đàm Duy Hoàng	31-12-2005						
23	700095	7A2	Đinh Vũ Hoàng	27-09-2005						
24	700096	7A1	Phạm Minh Hoàng	17-05-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 20 **Thi tại phòng: 304**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700097	7A6	Trần Hữu Hoàng	13-12-2005						
2	700098	7A6	Vương Huy Hoàng	29-09-2005						
3	700099	7A4	Nguyễn Gia Huy	14-10-2005						
4	700100	7A3	Nguyễn Thành Huy	21-11-2005						
5	700101	7A1	Phạm Đức Huy	08-07-2005						
6	700102	7A3	Đoàn Minh Huyền	23-08-2005						
7	700103	7A3	Phạm Lê Khánh Huyền	10-05-2005						
8	700104	7A3	Phan Thanh Huyền	28-08-2005						
9	700105	7A5	Trần Ngọc Huyền	27-07-2005						
10	700106	7A2	Nguyễn Xuân Hưng	17-09-2005						
11	700107	7A2	Phạm Nguyễn Thế Hưng	08-08-2005						
12	700108	7A6	Trần Đào Việt Hưng	09-07-2005						
13	700109	7A1	Bạch Ngọc Lan Hương	24-12-2005						
14	700110	7A4	Vũ Đồng Thu Hương	07-09-2005						
15	700111	7A5	Nguyễn Thị Ngọc Hường	24-02-2005						
16	700112	7A2	Đỗ Trọng Khải	22-08-2005						
17	700113	7A3	Đặng Ngọc Khánh	28-03-2005						
18	700114	7A6	Nguyễn Đăng Khánh	09-07-2005						
19	700115	7A2	Nguyễn An Khoa	13-05-2005						
20	700116	7A2	Nguyễn Gia Khoa	13-05-2005						
21	700117	7A3	Đinh Huy Tuấn Khôi	18-10-2005						
22	700118	7A3	Nguyễn Ngọc Lam Khuê	08-07-2005						
23	700119	7A2	Ngô Trung Kiên	25-07-2005						
24	700120	7A1	Tô Hữu Kỳ	08-07-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 21 **Thi tại phòng: 306**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700121	7A5	Dương Thùy Linh	16-08-2005						
2	700122	7A2	Đặng Thùy Linh	28-05-2005						
3	700123	7A6	Lê Gia Linh	23-10-2005						
4	700124	7A3	Lương Nhật Linh	23-10-2005						
5	700125	7A2	Ngô Vũ Gia Linh	19-12-2005						
6	700126	7A4	Nguyễn Cẩm Linh	11-05-2005						
7	700127	7A2	Nguyễn Gia Linh	16-09-2005						
8	700128	7A5	Nguyễn Hạnh Linh	18-07-2005						
9	700129	7A1	Nguyễn Khánh Linh	19-06-2005						
10	700130	7A1	Nguyễn Mỹ Linh	19-06-2005						
11	700131	7A5	Nguyễn Ngọc Linh	31-08-2005						
12	700132	7A6	Nguyễn Phương Linh	24-03-2005						
13	700133	7A6	Nguyễn Phương Hà Linh	13-10-2005						
14	700134	7A2	Nguyễn Thảo Đan Linh	15-11-2005						
15	700135	7A6	Nguyễn Thùy Linh	13-03-2005						
16	700136	7A6	Nguyễn Tố Linh	26-10-2005						
17	700137	7A1	Nguyễn Tú Linh	11-12-2005						
18	700138	7A2	Nguyễn Việt Phương Linh	06-07-2005						
19	700139	7A5	Nguyễn Vũ Gia Linh	26-07-2005						
20	700140	7A1	Phùng Phương Linh	09-12-2005						
21	700141	7A3	Vũ Khánh Linh	22-12-2005						
22	700142	7A6	Vũ Thảo Linh	09-01-2005						
23	700143	7A5	Vũ Thùy Linh	01-04-2005						
24	700144	7A5	Lê Nhật Long	25-11-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 22 **Thi tại phòng: 308**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700145	7A5	Nguyễn Hải Long	30-08-2005						
2	700146	7A5	Nguyễn Hoành Long	13-10-2005						
3	700147	7A5	Phạm Vũ Hoàng Long	05-03-2005						
4	700148	7A6	Nguyễn Phương Ly	27-01-2005						
5	700149	7A3	Lê Chi Mai	04-04-2005						
6	700150	7A1	Phạm Ngọc Mai	27-08-2005						
7	700151	7A5	Đặng Đình Quang Minh	05-06-2005						
8	700152	7A2	Đỗ Tâm Minh	07-12-2005						
9	700153	7A6	Đỗ Tuệ Minh	19-09-2005						
10	700154	7A4	Hoàng Dương Song Minh	22-09-2005						
11	700155	7A6	Lê Hoàng Minh	15-06-2005						
12	700156	7A1	Lê Quang Minh	23-09-2005						
13	700157	7A6	Nguyễn Hoàng Minh	24-07-2005						
14	700158	7A2	Nguyễn Kim Minh	11-11-2005						
15	700159	7A5	Nguyễn Nguyệt Minh	04-02-2016						
16	700160	7A6	Nguyễn Nguyệt Minh	18-11-2005						
17	700161	7A3	Nguyễn Phan Nhật Minh	26-01-2005						
18	700162	7A3	Phạm Lê Minh	04-11-2005						
19	700163	7A2	Phạm Ngọc Bình Minh	04-07-2005						
20	700164	7A1	Phùng Bảo Minh	26-09-2005						
21	700165	7A2	Thái Hồng Minh	30-10-2005						
22	700166	7A4	Trần Bình Minh	09-07-2005						
23	700167	7A5	Trần Ngọc Minh	21-07-2005						
24	700168	7A3	Trần Nhật Minh	12-10-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 23 **Thi tại phòng: 309**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700169	7A5	Trịnh Vũ Hiểu Minh	08-01-2005						
2	700170	7A4	Vũ Hoàng Minh	05-10-2005						
3	700171	7A5	Vũ Nhật Minh	13-05-2005						
4	700172	7A2	Nguyễn Trà My	22-06-2005						
5	700173	7A3	Nguyễn Trà My	29-07-2005						
6	700174	7A6	Đinh Hải Nam	23-01-2005						
7	700175	7A1	Lê Quang Nam	14-01-2005						
8	700176	7A4	Phạm Hoàng Nam	17-03-2005						
9	700177	7A2	Trần Quỳnh Nga	03-05-2005						
10	700178	7A4	Hoàng Thị Kim Ngân	09-12-2005						
11	700179	7A5	Nguyễn Trần Thu Ngân	30-09-2005						
12	700180	7A6	Nguyễn Tường Thiên Ngân	04-09-2005						
13	700181	7A2	Nguyễn Xuân Ngân	07-03-2005						
14	700182	7A3	Nguyễn Trọng Nghĩa	08-05-2005						
15	700183	7A2	Phạm Khắc Nghĩa	24-03-2005						
16	700184	7A1	Nguyễn Khánh Ngọc	12-04-2005						
17	700185	7A3	Phùng Như Ngọc	12-09-2005						
18	700186	7A2	Trần Minh Ngọc	24-03-2005						
19	700187	7A2	Võ Minh Ngọc	22-10-2005						
20	700188	7A6	Vũ Ánh Ngọc	23-05-2005						
21	700189	7A3	Trịnh Xuân Nguyên	07-09-2005						
22	700190	7A6	Vũ Đình Nguyên	21-02-2005						
23	700191	7A5	Lê Trọng Nhân	01-05-2005						
24	700192	7A6	Nguyễn Đức Nhẫn	08-04-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 24 **Thi tại phòng: 310**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700193	7A2	Nguyễn Trần Thống Nhất	19-01-2005						
2	700194	7A4	Nguyễn Thùy Nhi	30-07-2005						
3	700195	7A5	Phạm Nguyễn Quỳnh Nhi	04-07-2005						
4	700196	7A3	Phùng Lê Lâm Nhi	20-06-2005						
5	700197	7A4	Trần Ngọc Yến Nhi	27-01-2005						
6	700198	7A6	Đỗ An Như	10-05-2005						
7	700199	7A3	Trần Quỳnh Như	06-10-2005						
8	700200	7A6	Nguyễn Đạt Phúc	25-04-2005						
9	700201	7A4	Phùng Đức Phúc	03-09-2005						
10	700202	7A3	Đỗ Lan Phương	28-03-2005						
11	700203	7A1	Nguyễn Mai Phương	24-11-2005						
12	700204	7A6	Nguyễn Minh Phương	02-01-2005						
13	700205	7A5	Trịnh Đức Phương	13-11-2005						
14	700206	7A5	Trịnh Hiểu Phương	11-04-2005						
15	700207	7A3	Trương Hà Phương	19-04-2005						
16	700208	7A5	Vũ Ngọc Hà Phương	01-06-2005						
17	700209	7A1	Đỗ Đình Quang	16-03-2005						
18	700210	7A3	Lê Vũ Nhật Quang	25-03-2005						
19	700211	7A2	Nguyễn Huy Quang	13-05-2005						
20	700212	7A1	Nguyễn Minh Quang	22-04-2005						
21	700213	7A6	Nguyễn Minh Quang	11-09-2005						
22	700214	7A4	Vương Duy Quang	23-01-2005						
23	700215	7A4	Nguyễn Anh Quân	14-10-2005						
24	700216	7A1	Nguyễn Mạnh Quân	17-11-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 25 **Thi tại phòng: 311**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700217	7A5	Nguyễn Trần Hồng Quân	10-03-2005						
2	700218	7A6	Vũ Mạnh Quyền	16-04-2005						
3	700219	7A5	Phạm Nguyễn Thu Sang	11-10-2005						
4	700220	7A4	Công Nghĩa Nam Sơn	27-09-2005						
5	700221	7A1	Dương Hải Sơn	31-08-2005						
6	700222	7A2	Dương Thái Sơn	09-11-2005						
7	700223	7A3	Ngô Duy Sơn	16-07-2005						
8	700224	7A1	Tôn Thái Sơn	01-02-2005						
9	700225	7A4	Trần Nam Sơn	28-03-2005						
10	700226	7A3	Bùi Nam Thành	06-03-2005						
11	700227	7A5	Nguyễn Trường Thành	12-03-2005						
12	700228	7A1	Trần Công Thành	05-01-2005						
13	700229	7A2	Đặng Phương Thảo	18-06-2005						
14	700230	7A1	Lưu Phương Thảo	22-04-2005						
15	700231	7A6	Nguyễn Phương Thảo	03-06-2005						
16	700232	7A3	Nguyễn Khánh Thi	11-12-2005						
17	700233	7A5	Đặng Trần Anh Thư	25-03-2005						
18	700234	7A2	Phạm Minh Thư	10-05-2005						
19	700235	7A5	Lê Minh Thy	19-01-2005						
20	700236	7A4	Bùi Duy Tiến	14-10-2005						
21	700237	7A1	Nguyễn Hữu Toàn	02-01-2005						
22	700238	7A2	Phạm Hương Trà	07-04-2005						
23	700239	7A3	Cung Thùy Trang	08-09-2005						
24	700240	7A4	Đặng Thùy Trang	15-08-2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 7

Phòng thi số: 26 **Thi tại phòng: 312**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	700241	7A3	Nguyễn Hà Trang	17-05-2005						
2	700242	7A4	Nguyễn Hà Trang	26-10-2005						
3	700243	7A6	Nguyễn Hoàng Thu Trang	25-02-2005						
4	700244	7A6	Nguyễn Kiều Trang	19-03-2005						
5	700245	7A6	Nguyễn Lê Thu Trang	23-05-2005						
6	700246	7A4	Nguyễn Mai Trang	28-09-2005						
7	700247	7A1	Nguyễn Thị Thùy Trang	12-11-2005						
8	700248	7A3	Phạm Quỳnh Trang	17-04-2005						
9	700249	7A6	Từ Minh Trang	15-09-2005						
10	700250	7A1	Vũ Ngọc Thùy Trang	27-09-2005						
11	700251	7A1	Nguyễn Tố Trân	29-09-2005						
12	700252	7A1	Nguyễn Thành Trung	15-12-2005						
13	700253	7A5	Tạ Đình Trung	06-08-2005						
14	700254	7A3	Bùi Nguyễn Vân Trường	10-11-2005						
15	700255	7A5	Chu Anh Trường	17-08-2005						
16	700256	7A4	Ninh Duy Tuân	27-03-2005						
17	700257	7A2	Nguyễn Sơn Tùng	20-06-2005						
18	700258	7A3	Nguyễn Bùi Thanh Vân	04-03-2005						
19	700259	7A3	Nguyễn Hà Vi	28-12-2005						
20	700260	7A3	Vũ Khánh Vi	10-06-2005						
21	700261	7A4	Đỗ Quốc Việt	09-01-2005						
22	700262	7A3	Trần Quốc Việt	02-09-2005						
23	700263	7A2	Nguyễn Liêm Vĩnh	28-02-2005						
24	700264	7A3	Trịnh Thiên Ý	12-09-2005						
25										